

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.203

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h30

Ngày thi: 14/01/2022

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0162	Đinh Thị Mai Anh	03/06/1999				
2	TA0163	Đỗ Đoàn Đức Anh	05/10/1998				
3	TA0164	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	19/04/1999				
4	TA0164	Nguyễn Trọng Quốc Anh	16/02/1999				
5	TA0165	Nguyễn Tuấn Anh	30/01/1997				
6	TA0166	Phạm Hoàng Anh	21/09/1999				
7	TA0167	Trần Đức Anh	26/06/1999				
8	TA0168	Trần Hoàng Anh	04/05/1999				
9	TA0169	Tạ Mạnh Cường	23/02/1998				
10	TA0170	Hoàng Trọng Đạt	19/05/1999				
11	TA0171	Nguyễn Duy Đức	09/08/1999				
12	TA0172	Nguyễn Thế Đức	05/08/1997				
13	TA0173	Lê Viết Tùng Dương	16/09/1997				
14	TA0174	Nguyễn Đức Duy	03/07/1999				
15	TA0175	Nguyễn Thị Thủy Duyên	10/06/1997				
16	TA0176	Bùi Minh Hải	13/06/1999				
17	TA0177	Lê Ngọc Hải	05/07/1998				
18	TA0178	Vũ Hoàng Hải	24/05/1998				
19	TA0179	Đỗ Thị Hằng	20/05/1997				
20	TA0180	Bùi An Hiếu	25/10/1999				
21	TA0181	Đinh Văn Hiếu	10/10/1998				
22	TA0182	Đoàn Minh Hoàng	19/03/1999				
23	TA0183	Nguyễn Đức Hoàng	11/02/1997				
24	TA0184	Phan Trọng Hoàng	02/01/1997				

25	TA0185	Cao Thanh Hưng	27/12/1999				
26	TA0186	Nguyễn Quang Hưng	17/11/1999				
27	TA0187	Nguyễn Tất Hưng	15/09/1999				
28	TA0188	Nguyễn Ngọc Khánh	06/12/1997				
29	TA0219	Hoàng Thu Trang	10/05/1999				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)